**K7-UNIT 1 (PERIODS 1&2-HƯỚNG DẪN HỌC TẬP BỘ MÔN & A1+A4)-YT MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP HỌC TIẾNG ANH**

# Muốn học tốt tiếng Anh thì các em nên học bằng sự yêu thích chứ không nên ép buộc.

## Một khi đã yêu thích thì các em sẽ thấy yêu dần môn tiếng Anh, các em sẽ có hứng thú học nó.

## Các em đã thành công bước đầu rồi đó.

# Học tốt từ vựng và học thường xuyên.

## Các em có thể ghi chú lại cả từ, phiên âm và nghĩa của chúng ra quyển sổ nhỏ, hể có thời gian rảnh thì lấy ra để học thôi. Nếu muốn giỏi hơn thì các em viết ra thành nguyên câu để mình vừa học từ mà vừa học cả cấu trúc của câu.

# Ngữ pháp là yếu tố quan trọng vì khi các em chắc ngữ pháp, các em sẽ tự tin khi viết, khi nói tiếng Anh.

## Các em nên học ngữ pháp từ những cấu trúc đơn giản đến phức tạp.

Các em nên làm nhiều bài tập liên quan đến ngữ pháp, khi đó các em sẽ tích lũy và ôn lại rất tốt những cấu trúc các em đã được học

# Đọc là kỹ năng cơ bản khi các em học tiếng Anh.

## Các em nên đọc những đoạn văn ngắn, đơn giản trước.

## Không chỉ đọc một lần, các em nên đọc vài lần cho đến khi hiểu nội dung của nó.

# Nghe là một kỹ năng khó.

## Các em nên nghe thường xuyên và bất kể lúc nào các em rảnh.

# Viết là một kỹ năng đòi hỏi sự vận dụng tốt của từ vựng và ngữ pháp.

## Các em nên tập sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh, rồi sau đó xếp chúng thành đoạn văn ngắn, đơn giản.

## CHÚC CÁC EM HỌC THẬT TỐT MÔN TIẾNG ANH NHÉ!

**UNIT ONE. BACK TO SCHOOL**

A. FRIENDS

Parts A1 + A4

I. New words

- Back /bæk/ (adv): trở lại

- Friend /frend/ (n): bạn

- Nice /naɪs/ (adj): tốt, đẹp

- To see /siː/ (v): gặp, thấy

- Nice to see/ meet you (exp): rất vui được gặp bạn

- To meet /miːt / (v): gặp

- Again /əˈɡen/ (adv): lại, nữa

- New /nju:/ ≠ old /əʊld/ (adj): mới ≠ cũ

- Classmate /ˈklɑːsmeɪt /(n): bạn cùng lớp

II. Grammar

A. PRESENT SIMPLE TENSE

• Affirmative

Subject + verb (s/es)

Ex. a. Mai goes to school on foot.

 b. They do their homework every evening.

• Negative

Subject + do/does + not + verb(inf.)

Ex. a. Mai doesn’t go to school on foot.

 b. They don’t do their homework every evening.

• Interrogative

Do/ Does + Subject + Verb (inf.)?

Ex. a. Does Mai go to school on foot?

 b. Do they do their homework every evening?

 How to use the Simple Present Tense (Cách sử dụng thì hiện tại đơn)

a. Diễn đạt một thói quen hoặc hành động lặp đi lặp lại trong hiện tại

I usually go to bed at 11 p.m.

My mother always gets up early.

b. Diễn đạt chân lý, sự thật hiển nhiên

The earth moves around the sun.

The sun rises in the East.

B. TOO/ SO: cũng thế

Too, So là trạng từ biểu lộ sự đồng tình trong câu khẳng định.

 Too được viết ở cuối câu, sau dấu phẩy.

Subj. + be/ verb

Subj. + be/ aux. verb, too

Ex. a. He is a student.

 - I’m, too.

b. She reads a newspaper.

 - I do, too.

 So được viết ở đầu câu và sau “so” phải là dạng đảo ngữ (động từ “be” hoặc trợ động từ được đưa lên trước chủ ngữ).

Subj. + be/ verb/ must

So + be/ aux. verb + subj.

Ex. a. She is a good student.

 - So is she.

 b. He must get up early.

 - So must he.

Note: can, must, should được xem như là một trợ từ (aux. verb)

LISTEN THE CONVERSATION AGAIN THEN ANSWER THE QUESTIONS

1. What is the new girl’s name?

………………………………………………………………………………………….

2. What class is she in?

………………………………………………………………………………………….

3. Who is also in class 7A?

………………………………………………………………………………………….

A4. Listen. Complete these dialogues.

How are you today? Just fine. So am I.

How are you? Not bad. Me, too.

How is everything? Pretty good.

How about you? OK.

a) Mr. Tan: Hello. Lien. ………………………………………………..?

Miss Lien: …………………, thank you. ………………………….., Tan?

Mr. Tan: …………………, but I’m very busy.

Miss Lien: ………………………………………

b) Nam: Good afternoon, Nga. ………………………………………..?

Nga: …………………, thanks. ………………………, Nam?

Nam: …………………, thanks.

Nga: I’m going to the lunch room.

Nam: Yes. ……………………….